

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-6-2023

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Trúc, bà Trương Thị Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị N, anh T (chị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị ký kết hôn với anh Nguyễn Ngọc T năm 2016 có được tình cảm và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc nhưng đến ngày 28/4/2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không có hạnh phúc. Chị và anh T hiện đang sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề có liên quan trong hôn nhân: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Nguyễn Ngọc T nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã về địa phương để xác minh, thu thập chứng cứ, bà Trần Thị H là mẹ đẻ anh Nguyễn Ngọc T cho biết: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Ngọc T chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 15/10/2016. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể như thế nào thì gia đình không nắm được, tuy Nên vợ chồng hay cãi nhau. Chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ, chị N và anh T sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ khoảng đầu năm 2017 đến nay. Khi chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh T và gia đình có đi tìm gọi chị về nhưng chị N không về. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh T và gia đình hoàn toàn nhất trí. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề có liên quan trong hôn nhân: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các giấy triệu tập của Tòa án, tuy Nên anh T bận đi làm nên không đến Tòa án để làm việc được. Về vụ án ly hôn giữa chị N và anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị N có mặt, anh T vắng mặt. Chị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị N xin giải quyết vắng mặt. Anh T mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị N đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N. Về tài sản chung và các vấn đề khác, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Ngọc T là hợp pháp. Qua đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện cuộc sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn. Hai bên không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh T. Về phía anh T, mặc dù anh biết việc chị N xin ly hôn, đã được Tòa án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị N nữa. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh T vẫn vắng mặt. Chị N đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải vụ án và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị N, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N không đề nghị Tòa án quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị N phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003909 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Ngọc T được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện Ý Yên;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Vũ Văn Anh